

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN**

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: NO-07-LK353, Khu A - Khu đất dịch vụ Do Lộ, phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1758-2026-KQPT/NM.831

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần tư vấn phát triển Công nghệ và xử lý Môi Trường Âu Việt

Địa điểm lấy mẫu : Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Ao Ngươi, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

Địa chỉ : Tại Thôn Gốc Me, Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn thuộc CÔNG TY CỔ PHẦN ACC – 78

Tên mẫu : Nước mặt Mã mẫu : 04.NM.260731

Ngày lấy mẫu : 31/07/2026 Số mẫu : 01

Thời gian phân tích : 01/08/2026 Ngày hoàn thành phân tích : 12/08/2026

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023 /BTNMT
				04.NM.260731	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	6,0 – 8,5 ⁽²⁾
2	DO	mg/l	TCVN 7325:2016	6,5	≥ 5,0 ⁽²⁾
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	13	≤ 15 ⁽²⁾
4	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	11	≤ 15 ⁽²⁾
5	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001 - 1:2021	3	≤ 6 ⁽²⁾
6	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	0,19	0,3 ⁽¹⁾
7	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	TCVN 6194:1996	16,3	250 ⁽¹⁾
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/l	TCVN 6180:1996	0,08	-
9	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	1,7x10 ³	≤ 5.000 ⁽²⁾

Ghi chú:

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

- Vị trí lấy mẫu:

+ 04.NM.260731: Mẫu nước mặt tại khu vực hồ lắng

X= 2383527, Y= 408417

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

⁽¹⁾Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;⁽²⁾Bảng 3. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước. Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp,

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo

- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

QT 1.11 – BM02 Kết quả thử nghiệm

ban hành lần 4

nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp. (Mức B).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. Bùi Ngọc Bình

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Võ Chí Linh



-
- | | |
|---|--|
| - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích | - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng |
| - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo | - (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện |
| - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm | |
| - (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng | |
| - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green | |
-
- QT 1.11 – BM02 Kết quả thử nghiệm ban hành lần 4

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN**

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: NO-07-LK353, Khu A - Khu đất dịch vụ Do Lộ, phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1752-2026-KQPT/ND.831

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần tư vấn phát triển Công nghệ và xử lý Môi Trường Âu Việt

Địa điểm lấy mẫu : Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Ao Ngươi, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

Địa chỉ : Tại Thôn Gốc Me, Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn thuộc CÔNG TY CỔ PHẦN ACC – 78

Tên mẫu : Nước dưới đất Mã mẫu : 04.ND.260731

Ngày lấy mẫu : 31/07/2026 Số mẫu : 01

Thời gian phân tích : 01/08/2026 Ngày hoàn thành phân tích : 12/08/2026

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT
				04.ND.260731	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	5,8 – 8,5
2	DO	mg/l	TCVN 7325:2016	6,8	-
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	<LOQ (LOQ=9)	-
4	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001- 1:2021	<LOQ (LOQ=3)	-
5	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	9	-
6	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	0,06	1
7	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	TCVN 6194:1996	21,3	250
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/l	TCVN 6180:1996	0,81	15
9	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	1,0x10 ⁰	3

Ghi chú:**- LOQ:** Giới hạn định lượng của phương pháp**- Vị trí lấy mẫu:**

+ 04.ND.260731: Mẫu nước giếng khoan tại mỏ

X= 2383504, Y= 408375

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo

- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

+ QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM


ThS. Bùi Ngọc Bình

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC


Võ Chí Linh



-
- | | |
|---|--|
| - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích | - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng |
| - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo | - (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện |
| - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm | |
| - (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng | |
| - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green | |
-
- QT 1.11 – BM02 Kết quả thử nghiệm ban hành lần 4



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058
Địa chỉ: NO-07-LK353, Khu A - Khu đất dịch vụ Do Lộ, phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội
Tel: 02463.263.610 Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1751-2026-KQPT/KX.831

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần tư vấn phát triển Công nghệ và xử lý Môi Trường Âu Việt
Địa điểm quan trắc : Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Ao Ngươi, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
Địa chỉ : Tại Thôn Gốc Me, Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn thuộc CÔNG TY CỔ PHẦN ACC – 78
Tên mẫu : Khí xung quanh Mã mẫu : 04.KX1.260731
Ngày lấy mẫu : 31/07/2026 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 01/08/2026 Ngày hoàn thành phân tích : 12/08/2026

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2023 /BTNMT
				04.KX1 .260731	04.KX2 .260731	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	34,3	34,1	-
2	Độ ẩm	%		72,4	68,1	-
3	Tốc độ gió	m/s		1,3	0,8	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,5	64,9	70 ⁽¹⁾
5	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	KPH (LRL=30)	KPH (LRL=30)	75 ⁽²⁾
6	TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067: 1995	209	194	300
7	CO	µg/Nm ³	GREEN/SOP-QTTN- KX02	KPH (MDL=6.000)	KPH (MDL=6.000)	30.000
8	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971- 1995	KPH (MDL=90)	KPH (MDL=90)	350
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	41	42	200

Ghi chú:

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

- Vị trí lấy mẫu:

+ 04.KX1.260731: Mẫu không khí khu dân cư gần mỏ nhất

X= 2383491, Y= 408775

+ 04.KX2.260731: Mẫu không khí đường trước cổng vào mỏ

X= 2383462, Y= 408628

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo

- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- (##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Bảng 1 - Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (Khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

+ ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 1 – Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động xây dựng (Khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ)

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM


ThS. Bùi Ngọc Bình

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026
GIAM ĐỐC

Võ Chí Linh





CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường

Số : 1545/BC-SYT (Tổ chức đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động đã được công bố)

Địa chỉ: NO-07-LK353, Khu A - Khu đất dịch vụ Do Lộ, phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1750-2026-KQPT/KM.831

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần tư vấn phát triển Công nghệ và xử lý Môi Trường Âu Việt
Địa điểm lấy mẫu : Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Ao Ngưôm, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
Địa chỉ : Tại Thôn Gốc Me, Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn thuộc CÔNG TY CỔ PHẦN ACC – 78
Tên mẫu : Không khí môi trường lao động Mã mẫu : 04.KM1.260731
04.KM2.260731
04.KM3.260731
Ngày lấy mẫu : 31/07/2026 Số mẫu : 03
Thời gian phân tích : 31/07/2026 Ngày hoàn thành phân tích : 12/08/2026

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 03:2019/ BYT
				04.KM1 .260731	04.KM2 .260731	04.KM3 .260731	
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	30,1	34,5	35,2	18 - 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%		60,7	78,0	77,4	40 - 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		0,40	0,68	0,91	0,2 - 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	64,3	76,8	79,2	85 ⁽²⁾
5	Độ rung	dB	TCVN 5127 : 1990 TCVN 6964-1 : 2001	0,0003	0,0021	0,0030	0,4 – 1,5 ⁽³⁾
6	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT	0,197	0,477	0,967	8 ⁽⁴⁾
7	CO	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	40
8	SO ₂	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	KPH (MDL=0,00015)	KPH (MDL=0,00015)	KPH (MDL=0,00015)	10
9	NO ₂	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	10

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + 04.KM1.260731: Không khí khu vực văn phòng
- + 04.KM2.260731: Không khí khu vực trạm nghiền
- + 04.KM3.260731: Không khí khu vực khai trường
- + Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giá trị dưới của dải đo
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
- (##): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (KPH): Không phát hiện; - (-): Không có quy định

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ngắn);
- + ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn tại nơi làm việc - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + ⁽³⁾QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc
- + ⁽⁴⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. Bùi Ngọc Bình

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Võ Chí Linh

-
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
 - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giá trị dưới của dải đo
 - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
 - (##): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
 - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 - (KPH): Không phát hiện; - (-): Không có quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: NO-07-LK353, Khu A - Khu đất dịch vụ Do Lộ, phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1749-2026-KQPT/Đ.831

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần tư vấn phát triển Công nghệ và xử lý Môi Trường Âu Việt
Địa điểm lấy mẫu : Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mở đá Ao Ngươn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
Địa chỉ : Tại Thôn Gốc Me, Xã Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn thuộc CÔNG TY CỔ PHẦN ACC – 78
Tên mẫu : Mẫu đất Mã mẫu : 04.Đ1.260731
04.Đ2.260731
Ngày lấy mẫu : 31/07/2026 Số mẫu : 02
Thời gian phân tích : 01/08/2026 Ngày hoàn thành phân tích : 12/08/2026

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2023 /BTNMT Loại 3
				04.Đ1 .260731	04.Đ2 .260731	
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMWEWW 3113B:2023	2,14	0,69	200
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2023	0,200	0,101	60
3	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMWEWW 3113B:2023	41,13	20,34	700
4	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2023	26,14	14,09	2.000
5	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2023	16,09	15,69	2.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 04.Đ1.260731: Mẫu đất trong khu vực mỏ

X= 2383587, Y= 408454

+ 04.Đ2.260731: Mẫu đất ngoài khu vực mỏ

X= 2383453, Y= 408617

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (Loại 3).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

ThS. Bùi Ngọc Bình

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Võ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
- (##): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện
QT 1.11 – BM02 Kết quả thử nghiệm ban hành lần 4

